

Số: /2021/QĐ-UBND

Long An, ngày tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Triển khai thực hiện Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND
ngày 08/12/2020 của HĐND tỉnh quy định nội dung chi, mức chi
cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Long An**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông;

Căn cứ Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ Tài chính về việc quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông;

Căn cứ Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND tỉnh quy định nội dung chi, mức chi cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Long An;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 1807/TTr-SNN ngày 14/4/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung chi, mức chi cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Long An (ban hành kèm theo quyết định này quy định nội dung chi, mức chi cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Long An).

Điều 2. Nội dung chi, mức chi cho các hoạt động khuyến nông quy định tại Điều 1 quyết định này là cơ sở để các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện và quyết toán theo đúng quy định.

Điều 3. Giao Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức triển khai, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/6/2021 và thay thế Quyết định số 28/2015/QĐ-UBND ngày 21/7/2015 của UBND tỉnh Long An về việc ban hành quy định về nội dung, định mức chi hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Long An.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm soát TTHC – VP Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL – Bộ Tư pháp;
- TT.TU; TT.HĐND tỉnh (b/c);
- TT.UBMTTQVN và các Đoàn thể tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng ĐĐBQH và HĐND tỉnh;
- Phòng: KTTC, THKSTTHC;
- TTPVHCC (Công thông tin điện tử tỉnh);
- Lưu: VT, SNN, Nguyen.

QD_QPPL_TRIEN KHAI NQ19 VE KHUYEN NONG (1807)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Út

QUY ĐỊNH

**Nội dung chi, mức chi cho các hoạt động khuyến nông
trên địa bàn tỉnh Long An**

*(Kèm theo Quyết định số /2021/QĐ-UBND
ngày /5/2021 của UBND tỉnh Long An)*

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định nội dung chi, mức chi cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Long An.

2. Đối tượng áp dụng

a) Tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động khuyến nông và chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp tại tỉnh Long An;

b) Cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Long An.

Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện được hình thành từ các nguồn:

1. Ngân sách tỉnh, huyện, xã bố trí cho chương trình, kế hoạch khuyến nông thuộc nhiệm vụ chi của tỉnh, huyện, xã và được UBND cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã phê duyệt.

2. Kinh phí từ việc thực hiện hợp đồng tư vấn và dịch vụ khuyến nông.

3. Kinh phí từ nguồn tài trợ và đóng góp hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

4. Nguồn kinh phí lồng ghép với các chương trình, dự án khác để thực hiện mục tiêu của khuyến nông.

5. Ngoài nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước, khuyến khích các tổ chức, cá nhân sử dụng các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật để thực hiện hoạt động khuyến nông. Các đơn vị được vận dụng các quy định tại quyết định này trong việc sử dụng các nguồn kinh phí hợp pháp khác khi thực hiện hoạt động khuyến nông.

Chương II

NỘI DUNG CHI, MỨC CHI

CHO CÁC HOẠT ĐỘNG KHUYẾN NÔNG

Điều 3. Nội dung chi, mức chi bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo

1. Chi biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn: các đơn vị căn cứ quy định tại Quyết định số 54/2015/QĐ-UBND ngày 26/11/2015 của UBND tỉnh Long An quy định về định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Long An (sau đây viết là Quyết định số 54/2015/QĐ-UBND) để quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

2. Chi thù lao giảng viên, trợ giảng; phụ cấp tiền ăn giảng viên, trợ giảng; chi phí đưa, đón, bố trí nơi ở cho giảng viên, trợ giảng; chi thù lao hướng dẫn viên tham quan, thực hành thao tác kỹ thuật: Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 37/2019/QĐ-UBND ngày 06/9/2019 của UBND tỉnh về việc Quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Long An (sau đây viết là Quyết định số 37/2019/QĐ-UBND).

3. Chi in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp học (không bao gồm tài liệu tham khảo); giải khát giữa giờ; tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế (nếu có); thuê hội trường, phòng học, thiết bị phục vụ học tập (nếu có); vật tư thực hành lớp học; thuê phiên dịch và biên dịch (nếu có); chi tổ chức khai giảng, bế giảng, in chứng chỉ, chi tiền thuốc y tế thông thường cho học viên (nếu học viên ốm); chi khác phục vụ trực tiếp lớp học (điện, nước, thông tin liên lạc, văn phòng phẩm, vệ sinh, trông giữ xe và các khoản chi trực tiếp khác). Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với nhà cung cấp theo các quy định hiện hành.

4. Chi hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại, nơi ở, tài liệu học trong thời gian tham dự đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, khảo sát học tập khuyến nông cho đối tượng nhận chuyển giao công nghệ và đối tượng chuyển giao công nghệ:

a) Đối với đối tượng chuyển giao công nghệ theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông (sau đây viết là Nghị định số 83/2018/NĐ-CP):

- Đối tượng chuyển giao công nghệ hưởng lương từ ngân sách nhà nước:

+ Được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo).

+ Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ, gồm chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí theo quy định tại Quyết định số 72/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Long An (sau đây viết là Quyết định số 72/2017/QĐ-UBND).

- Đối tượng chuyển giao công nghệ không hưởng lương từ ngân sách nhà nước:

+ Được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo).

+ Hỗ trợ 100% chi phí tiền ăn theo mức quy định tại Quyết định số 72/2017/QĐ-UBND.

+ Hỗ trợ tiền đi lại là 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15km trở lên. Riêng đối với người khuyết tật, người học cư trú ở xã đặc biệt khó khăn, xã thuộc bãi ngang theo quy định của Chính phủ, mức hỗ trợ 300.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên.

+ Đối với chỗ ở cho người học: Thực hiện theo quy định của đối tượng chuyển giao công nghệ hưởng lương từ ngân sách nhà nước nêu trên.

b) Đối với đối tượng nhận chuyển giao công nghệ theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP:

- Người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo: Được hỗ trợ theo mức hỗ trợ của đối tượng chuyển giao công nghệ không hưởng lương từ ngân sách nhà nước nêu trên.

- Người nông dân sản xuất hàng hóa, chủ trang trại, tổ viên tổ hợp tác, thành viên hợp tác xã và các cá nhân khác hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp: được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại không quá 50% mức quy định đối với đối tượng nhận chuyển giao công nghệ là người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo nêu trên. Đối với chỗ ở cho người học, thực hiện theo quy định của đối tượng chuyển giao công nghệ hưởng lương từ ngân sách nhà nước nêu trên.

- Doanh nghiệp vừa và nhỏ trực tiếp hoạt động trong các lĩnh vực khuyến nông: Được hỗ trợ 50% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo) khi tham dự đào tạo.

5. Chi khảo sát, học tập trong và ngoài nước

- Đối với khảo sát, tham quan học tập mô hình, học tập trong nước:

+ Khảo sát: Tùy theo tính chất, yêu cầu và quy mô của cuộc điều tra, khảo sát; các đơn vị xây dựng kế hoạch cụ thể trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt theo các nội dung chi và định mức chi tại Quyết định số 72/2017/QĐ-UBND.

+ Tham quan học tập mô hình, học tập trong nước: Mức chi theo quy định tại Quyết định số 72/2017/QĐ-UBND. Riêng mức chi hỗ trợ tiền ăn áp dụng theo quy định tại khoản 4 Điều này.

- Đối với khảo sát, học tập ngoài nước: Nội dung chi và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21/6/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức Nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí.

Điều 4. Nội dung chi, mức chi thông tin tuyên truyền

1. Tuyên truyền qua hệ thống truyền thông đại chúng; xuất bản tạp chí, tài liệu, các loại ấn phẩm khuyến nông; bản tin, trang thông tin điện tử khuyến nông:

- Hàng năm, căn cứ nhu cầu và khả năng kinh phí khuyến nông dành cho hoạt động thông tin tuyên truyền, cơ quan khuyến nông xây dựng nhiệm vụ thông tin tuyên truyền khuyến nông trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với cơ quan tuyên truyền và cơ quan thông tin đại chúng theo phương thức đấu thầu hoặc chỉ định thầu, trường hợp đặt hàng giao nhiệm vụ thực hiện theo đơn giá được cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Chi nhuận bút cho tác phẩm (tin, bài, ảnh, thơ, clip, ...) đăng trên Bản tin khuyến nông, trang thông tin điện tử khuyến nông, tài liệu tuyên truyền khuyến nông và tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng). Mức chi thực hiện theo quy định tại Quyết định số 40/2013/QĐ-UBND ngày 13/8/2013 của UBND tỉnh về việc quy định chế độ nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm được đăng trên trang thông tin điện tử trên Internet của các cơ quan hành chính, sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Long An và các quy định hiện hành.

2. Tổ chức diễn đàn, tọa đàm, hội thảo chuyên đề

a) Nội dung chi, mức chi: Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 72/2017/QĐ-UBND.

b) Riêng mức chi chủ tọa và ban cố vấn, báo cáo viên, bồi dưỡng viết báo cáo diễn đàn, tọa đàm, hội thảo. Mức chi áp dụng quy định tại khoản 6 Điều 5 Quyết định số 54/2015/QĐ-UBND.

3. Tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết khuyến nông, Hội nghị giao ban khuyến nông vùng. Mức chi thực hiện theo quy định tại Quyết định số 72/2017/QĐ-UBND.

4. Tổ chức hội chợ, triển lãm hàng nông nghiệp Việt Nam cấp khu vực, cấp quốc gia: Hỗ trợ 100% chi phí thuê gian hàng.

5. Tổ chức hội thi, tuyên truyền, vận động về các hoạt động khuyến nông: Thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

6. Chi ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu thông tin khuyến nông: Thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 5. Nội dung chi, mức chi xây dựng và nhân rộng mô hình

1. Chi hỗ trợ giống, thiết bị, vật tư thiết yếu

a) Mô hình trình diễn ở biên giới, địa bàn bị ảnh hưởng của thiên tai, dịch hại, biến đổi khí hậu theo công bố của cấp có thẩm quyền được hỗ trợ tối đa 100% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình nhưng không quá 80 triệu đồng/mô hình;

b) Mô hình trình diễn ở xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển được hỗ trợ tối đa 70% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình nhưng không quá 60 triệu đồng/mô hình;

c) Mô hình trình diễn ở các địa bàn còn lại trên địa bàn tỉnh được hỗ trợ tối đa 50% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình nhưng không quá 40 triệu đồng/mô hình.

2. Mô hình ứng dụng công nghệ cao được hỗ trợ tối đa 40% tổng kinh phí thực hiện mô hình nhưng không quá 300 triệu đồng/mô hình (đối với tất cả các địa bàn).

3. Mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp được hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện mô hình nhưng không quá 100 triệu đồng/mô hình (đối với tất cả các địa bàn).

4. Hỗ trợ tối đa 100% chi phí chứng nhận cơ sở sản xuất thực phẩm an toàn, cơ sở an toàn dịch bệnh khi tham gia xây dựng mô hình theo quy định hiện hành (đối với tất cả các loại mô hình).

5. Chi tập huấn kỹ thuật, sơ kết, tổng kết mô hình

a) Chi tài liệu, văn phòng phẩm, vật tư thực hành, thuê hội trường, trang thiết bị phục vụ, xăng xe, thuê xe. Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành và hợp đồng với nhà cung cấp được lựa chọn.

b) Chi hỗ trợ tiền ăn theo quy định tại khoản 4 Điều 3 của Quy định này; chi hỗ trợ tiền nước uống theo quy định tại Quyết định số 72/2017/QĐ-UBND.

c) Chi bồi dưỡng giảng viên, báo cáo viên (đã bao gồm biên soạn tài liệu): thực hiện theo quy định tại Quyết định số 37/2019/QĐ-UBND.

6. Chi thông tin tuyên truyền, hội nghị, hội thảo, tham quan học tập nhân rộng mô hình: Mức chi áp dụng theo quy định tại Điều 3 và khoản 2 Điều 4 của Quy định này.

7. Chi thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình trình diễn tính bằng mức lương cơ sở/22 ngày (x) số ngày thực tế thuê.

Điều 6. Nội dung chi, mức chi tư vấn và dịch vụ khuyến nông

1. Đối với tư vấn thông qua đào tạo, tập huấn, diễn đàn, tọa đàm: Mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 3 của quy định này.

2. Đối với tư vấn thông qua các phương tiện truyền thông, diễn đàn, tọa đàm: Mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 4 của quy định này.

3. Đối với tư vấn trực tiếp, tư vấn và dịch vụ thông qua thỏa thuận, hợp đồng: Mức chi thực hiện theo thỏa thuận, hợp đồng căn cứ quy định pháp luật liên quan.

Điều 7. Nội dung chi, mức chi hợp tác quốc tế về khuyến nông

1. Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành, theo các hiệp định, nghị định thư hoặc thỏa thuận, hợp đồng chuyển giao công nghệ giữa các tổ chức, cá nhân trong nước với các tổ chức, cá nhân nước ngoài.

2. Đón tiếp các đoàn khách nước ngoài vào làm việc: Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 41/2019/QĐ-UBND ngày 03/10/2019 của UBND tỉnh về

việc quy định các mức chi tiếp khách nước ngoài, tổ chức các hội nghị quốc tế tại Việt Nam và các mức chi tiếp khách trong nước đối với cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

Điều 8. Nội dung chi khác

1. Thuê chuyên gia trong và ngoài nước phục vụ hoạt động khuyến nông, đánh giá hiệu quả hoạt động khuyến nông: Thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Mua bản quyền tác giả, công nghệ mới phù hợp để chuyển giao gắn với chương trình, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức chi theo hợp đồng hoặc thỏa thuận giữa các bên liên quan theo quy định pháp luật.

3. Mua sắm, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị phục vụ cho hoạt động khuyến nông: Thực hiện theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức và dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Quản lý nhiệm vụ khuyến nông

a) Cơ quan quản lý khuyến nông được trích 3% nguồn kinh phí khuyến nông được cấp có thẩm quyền giao dự toán trong năm để phục vụ công tác quản lý khuyến nông, báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nội dung và kinh phí trước khi thực hiện. Một số nội dung chi theo quy định hiện hành.

b) Tổ chức chủ trì và đơn vị triển khai thực hiện dự án, nhiệm vụ khuyến nông được trích 5% nguồn kinh phí khuyến nông được cấp có thẩm quyền giao dự toán trong năm để chi cho công tác tổ chức thực hiện, quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, quyết toán và chi khác. Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

Khi các văn bản quy định về chế độ, định mức chi dẫn chiếu để áp dụng tại quy định của quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo đề xuất UBND tỉnh xem xét, bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Út